

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 19- 4 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con..

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.
2. Ông Nguyễn Thành Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Không.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trương Thị T, sinh 1981. Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Trần Thanh T, sinh 1978. Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019, nguyên đơn Trương Thị T trình bày:

Vào năm 1999, chị Trương Thị T kết hôn với anh Trần Thanh T theo phong tục tập quán. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 01/10/1999, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn mang số 48.

Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại ấp Phú T, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, gây cãi thường xuyên dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được

nên chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và thật sự ly thân với anh T từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Chị T và anh T có 03 con chung, gồm: Cháu Trần Hoàng C, sinh ngày 18/9/1999; cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 14/11/2004; cháu Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 14/5/2009. Hiện nay các cháu sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng T và cháu Anh T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với cháu Hoàng C đã trưởng thành và đủ khả năng lao động để sinh sống, không yêu cầu giải quyết việc người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu chia tài sản chung.

Tòa án đã thông báo họp lệ nhiều lần để anh T biết về các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án. Nhưng anh T đều vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã nêu trong đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Trương Thị T khởi kiện xin ly hôn và nuôi con đối với Trần Thanh T có địa chỉ tại ấp Phú T, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm và xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa. Nhưng anh T đều vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Tòa án bàn giao họp lệ nhiều lần cho anh T thông báo thụ lý giải quyết vụ án, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng anh T đều không tham dự các phiên họp, các phiên tòa và anh T không chứng cứ phản bác yêu cầu khởi kiện của chị T. Cho thấy anh T đã thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Chị T và anh T có ba con chung, gồm: Cháu Trần Hoàng C, sinh ngày 18/9/1999; cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 14/11/2004; cháu Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 14/5/2009.

Cháu C đã trưởng thành và đủ khả năng lao động để sinh sống, chị T không yêu cầu giải quyết việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp pháp luật nên không xét.

Cháu T và cháu T đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng sống với chị T, chị T đủ khả năng nuôi dưỡng hai cháu. Nên chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.3. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xét.

2.4. Chị T không yêu cầu chia tài sản chung, nên không xét.

[3]. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T:

1. Hôn nhân:

Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Con chung:

Giao chị Trương Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 14/11/2004; cháu Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 14/5/2009.

Anh Trần Thanh T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Cấp dưỡng nuôi con chung:

Không xét.

3. Chia tài sản chung khi ly hôn:

Không xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị T được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 26/12/2018, lai số 0006799. Chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Trương Thị T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Thanh T vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- UBND xã Nhơn P;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Huỳnh Văn Vĩnh